

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ninh Ngọc Tú.

2. Ông Nguyễn Minh Đ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Mã Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn năm 2011, có được tự do tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cho đám cưới theo phong

tục, chị và anh Đ chung sống tại nhà anh Đ ở Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống, chị và anh Đ cũng có nảy sinh một vài mâu thuẫn nhưng chị vẫn bỏ qua để tiếp tục chung sống cùng anh. Đến năm 2016, anh Đ bị bắt về tội Hiếp dâm trẻ em, bị xử phạt 11 năm tù và hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Việc anh Đ bị bắt như vậy khiến chị thấy xấu hổ, nên đã dần không còn tình cảm với anh Đ, mặc dù chị vẫn lên thăm nom, động viên anh Đ nhưng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Hoàng Văn Đ có 01 con chung là Hoàng Đình H, sinh ngày 07/10/2011, khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm công nhân tại Công ty L tại xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, lương cơ bản hàng tháng của chị được 4.900.000 đồng ngoài ra còn có thưởng thêm vào các dịp lễ tết, tăng ca, đảm bảo đủ các điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mã Thị L kết hôn năm 2011, có được tự do tìm hiểu, yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Đến tháng 12/2016, do anh không làm chủ được bản thân nên đã có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù về tội Hiếp dâm trẻ em, hiện anh đã đi chấp hành án được hơn 05 năm. Nay, anh vẫn còn tình cảm với chị L, nhưng do thấy mình không xứng đáng với chị nên anh đồng ý ly hôn để giải thoát cho chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị Mã Thị L có 01 con chung là Hoàng Đình H, sinh ngày 07/10/2011, hiện con đang ở cùng với chị L. Do hiện nay anh đang đi chấp hành án nên anh đồng ý để chị L được quyền nuôi con, anh có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã tiến hành xác minh, thấy rằng anh Hoàng Văn Đ đang đi chấp hành án tại Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện chị Mã Thị L và con trai Hoàng Đình H vẫn sinh sống tại Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn Đ vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên, anh Đ đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Mã Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Hoàng Đình H cho chị Mã Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết,

- Về án phí: Chị Mã Thị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Mã Thị L và anh Hoàng Văn Đ, chị L, anh Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của chị L, anh Đ không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Mã Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2011, chị Mã Thị L và anh Hoàng Văn Đ về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, năm 2016 do anh Đ vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh

Tuyên Quang, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nên tình cảm lạnh nhạt. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, hai người không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu anh, chị quay về đoàn tụ chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, trong phần khai của mình anh Đ đồng ý ly hôn với chị L, việc đồng ý của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện nhưng do các đương sự không trực tiếp trao đổi, thỏa thuận giải quyết với nhau nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Mã Thị L và anh Hoàng Văn Đ có 01 con chung là Hoàng Đình H, sinh ngày 07/10/2011, hiện con đang ở cùng với chị L. Khi ly hôn cả chị L và anh Đ đều đồng ý để con cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay anh Hoàng Văn Đ đang đi chấp hành án không có khả năng để nuôi con, chị Mã Thị L đang làm công nhân tại Công ty L tại B, có thu nhập ổn định, đảm bảo đủ các điều kiện nuôi con. Tại biên bản ngày 16/11/2021, cháu Hoàng Đình H cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị Mã Thị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Đình H, sinh ngày 07/10/2011, cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Mã Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Mã Thị L và anh Hoàng Văn Đ được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mã Thị L - Xử cho nguyên đơn chị L được ly hôn với bị đơn anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đình H, sinh ngày 07/10/2011 cho chị Mã Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Mã Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0004022, ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Đồng Tân;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết